TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HS-ST
Ngày: 11 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Thy;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Minh;

2. Ông Đan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 06 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 07 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. LÊ THAO T, sinh ngày 13/5/2001; tại N, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn R, xã K, tỉnh Gia Lai; số CCCD: 038202031393, cấp ngày 11/7/2025; nơi cấp Bộ Công an; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; nghề nghiệp: Không; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; con bà Lê Thị T1, sinh năm 1978; bị cáo có vợ: Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 2002 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/9/2019 Lê Thao T bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai) tuyên phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" hiện đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. DUIN, sinh ngày 07/7/2002; tại tỉnh Gia Lai; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn R, xã K, tỉnh Gia Lai; số CCCD: 064202015641, cấp ngày 15/9/2022; nơi cấp Bộ Công an; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Ba na; nghề nghiệp: Không; tôn giáo: Tin lành; trình độ học vấn: 05/12; con ông: D, sinh năm 1970 và bà M, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. DUÊN, sinh ngày 16/4/2007; tại tỉnh Gia Lai; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn S, xã K, tỉnh Gia Lai; số CCCD: 064207001418, cấp ngày 02/06/2022; nơi cấp Bộ Công an; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Ba na; nghề nghiệp: Không; tôn giáo: Tin

lành; trình độ học vấn: 08/12; con ông: P, sinh năm 1975 và bà P1, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thao T:* Ông Huỳnh Văn K trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo D1:* Ông Trần Mạnh T2 trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo D2:* Ông Nguyễn Đình C trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: bà Lê Thị T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn R, xã K, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

- *Người phiên dịch tiếng Ba na:* Ông S, có mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nhau, Lê Thao T, D1 và D2 đã rủ nhau nhiều lần góp tiền mua ma túy về nhà Trường để sử dụng cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào chiều ngày 09/01/2026, Lê Thao T gọi điện thoại rủ D1 và D2 đến nhà Trường tại thôn R, xã K, tỉnh Gia Lai chơi và uống rượu. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, quá trình ngồi uống rượu, T rủ D1 và D2 góp tiền để mua ma túy về sử dụng thì cả hai đồng ý. T, D1 và D2 mỗi người góp 100.000 đồng, được tổng cộng 300.000 đồng. Sau đó, Lê Thao T dùng điện thoại gọi qua ứng dụng messenger cho đối tượng tên N (chưa xác định được nhân thân, lai lịch, mà T quen biết thông qua mạng xã hội Facebook) hỏi mua ma túy đá với số tiền 300.000 đồng thì đối tượng N đồng ý bán và hẹn đến khu vực sân bóng thuộc làng T, xã K, tỉnh Gia Lai để giao ma túy. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 81B2-284.99 đi đến khu vực sân bóng thuộc làng T, xã K gặp đối tượng N bịt khẩu trang chỉ nơi để ma túy đá tại gốc cây rồi nói T đến lấy. Lúc này, T đến gốc cây lấy gói ma túy cất vào trong người đồng thời để lại số tiền 300.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi về đến nhà thì T cùng D1 và D2 đi vào phòng ngủ của T, rồi T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra và nói D2 cầm chai nhựa, đi xuống bếp lấy nước. Khi D1 lấy nước lên, T gắn bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào, rồi dùng kéo cắt gói ma túy ra đổ vào và dùng quẹt gas đốt khò dưới đáy nỏ thủy tinh, khi ma túy tan chảy thì T là người sử dụng ma túy đầu tiên, rồi T tiếp tục đốt ma túy cho D1 và D2 sử dụng, ba người xoay vòng sử dụng ma túy mỗi người khoảng 03 hơi đến khoảng 22 giờ thì hết ma túy nên D1 và D2 đi về.

Lần thứ hai: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 10/01/2026, Lê Thao T gọi điện thoại rủ D1 và D2 đến nhà Trường tại thôn R, xã K, tỉnh Gia Lai chơi và uống rượu. Khi D1 và D2 đến nhà của T cả ba ngồi uống rượu, đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, T rủ D1 và D2 góp tiền mua ma túy đá về sử dụng thì cả hai đồng ý. Duin góp số tiền 100.000 đồng, D2 góp số tiền 50.000 đồng và T góp số tiền 300.000 đồng, được tổng

cộng 450.000 đồng. Sau đó, Lê Thao T gọi điện thoại qua ứng dụng messenger cho đối tượng N (chưa rõ nhận thân, lai lịch) hỏi mua ma túy đá với số tiền 500.000 đồng thì đối tượng N đồng ý bán và hẹn đến khu vực sân bóng thuộc làng T, xã K, tỉnh Gia Lai để giao ma túy. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 81B2-284.99 đi đến khu vực sân bóng thuộc làng T, xã K gặp đối tượng N, thì T nói "cho em lấy 500.000 đồng ma túy đá, em có 450.000 đồng, cho em nợ 50.0000 đồng" thì N không nói gì mà chỉ T đến gốc cây như lần trước lấy 03 gói ma túy cất vào trong người và để lại số tiền 450.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi về đến nhà thì T cùng D1 và D2 đi vào phòng ngủ của T, T cất dấu 01 gói ma túy vào khe hở bị rách của con gấu bông trong phòng ngủ. Sau đó, T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra, còn D1 cầm chai nhựa đi lấy nước để T nắp bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào rồi T lấy 02 gói ma túy ra dùng kéo cắt đổ vào nỏ thủy tinh và dùng quẹt gas đốt khò dưới đáy nỏ, khi ma túy tan chảy T là người sử dụng ma túy đầu tiên, sau đó T đốt lên đưa cho D1 và D2 cùng sử dụng, ba người chia nhau cứ thế xoay vòng sử dụng ma túy đến khoảng 01 giờ 00 sáng ngày 11/01/2026 thì hết nên D1 và D2 đi về.

Lần thứ ba: Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 11/01/2026 Lê Thao T gọi điện thoại rủ D1 và D2 đến nhà Trường tại thôn R, xã K, tỉnh Gia Lai để sử dụng ma túy thì D1 đồng ý, còn D2 bận công việc nên không đến. Khi D1 đến, T và D1 đi vào phòng ngủ của T rồi T lấy gói ma túy đá đã mua vào ngày 10/01/2026 và bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra dùng kéo cắt đổ vào nỏ thủy tinh rồi dùng quẹt gas khò dưới nỏ thủy tinh, khi ma túy tan chảy thì T và D1 sử dụng hết ma túy rồi D1 đi về nhà.

Ngày 13/01/2026, Lê Thao T đến Công an xã K, tỉnh Gia Lai để tự thú về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đồng thời giao nộp các đồ vật tài liệu liên quan, sau đó, D1 và D2 cũng đến Công an xã K để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Qua test nhanh Lê Thao T, D1 và D2 dương tính với chất ma túy.

* Tại kết luận giám định số 233/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận đối tượng giám định:

Chất màu trắng, xám bám dính trong 01 (một) ống thủy tinh phình to, hở một đầu (nỏ) đựng trong bì công văn ghi "03" gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, do lượng mẫu ít không cân được khối lượng.

- Chất màu trắng bám dính trong 04 (bốn) mảnh nhựa (gói nilon đã bị cắt nhỏ) đựng trong bì công văn ghi "04" gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, do lượng mẫu ít không cân được khối lượng.

* Tại kết luận giám định số 234/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận đối tượng giám định:

- Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine và chất Amphetamine là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Lê Thao T, D1 và D2 (dung dịch màu vàng đậm) đựng trong 03 lọ nhựa, được đậy kín bằng nắp màu đỏ gửi giảm định.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng;

- 01 (một) chai nhựa có dán nhãn Sting, bên trong chứa dung dịch lỏng; 01 (một) nắp chai nhựa màu đỏ bị đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu xanh dương dài

11cm, một lỗ gắn ống hút nhựa dài 13cm; 01 (một) quẹt ga màu đỏ có gắn một tim lò so màu trắng được cuốn giấy bạc; 01 (một) kéo kim loại; 01 (một) ống thủy tỉnh phình to, hở một đầu (nỏ) bên trong có chất bám dính màu trắng xám; 04 (bốn) mảnh nhựa (nilon) bên trong có chất bám dính màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 màu bạc, số Imei: 355851083780301, kèm sim số đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thao T giao nộp; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, loại 6i, màu xanh dương, số Imei 1: 861318047626076; kèm sim số đã qua sử dụng của bị cáo D1 giao nộp; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone XS, màu vàng đồng, số Imei: 357238097212182; kèm theo sim số đã qua sử dụng của bị cáo D2 giao nộp. Qua điều tra xác định đây là vật chứng của vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 10, tỉnh Gia Lai để xử lý theo quy định.

- 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát: 81B2-284.99, nhãn hiệu Honda Blade; số khung: 3632GY031167; số máy: JA36E0546289. Quá trình điều tra xác định xe mô tô nêu trên thuộc sở hữu của bà Lê Thị T1, sinh năm 1978 trú tại thôn R, xã K, tỉnh Gia Lai (là mẹ ruột của bị cáo Lê Thao T), bà T1 không biết T sử dụng xe mô tô của mình làm phương tiện để đi mua ma túy. Do đó, ngày 05/5/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 08/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Gia Lai truy tố bị cáo Lê Thao T, D1 và D2 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

Ý kiến của Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Thao T, D1 và D2 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Về hình phạt:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thao T mức hình phạt từ 08 đến 09 năm tù (thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự thú ngày 13/01/2026).

- Đối với bị cáo D1: Bị cáo với vai trò là đồng phạm.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự (bị cáo D1 có nhiều hơn bị cáo D2 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 02 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Đề nghị xử phạt bị cáo D1 mức hình phạt từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù (thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đầu thú ngày 13/01/2026).

- Đối với bị cáo D2: Bị cáo với vai trò là đồng phạm.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo D2 mức hình phạt từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù (thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/03/2026).

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chai nhựa có dán nhãn Sting, bên trong chứa dung dịch lỏng; 01 (một) nắp chai nhựa màu đỏ bị đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu xanh dương dài 11cm, một lỗ gắn ống hút nhựa dài 13cm; 01 (một) quẹt ga màu đỏ có gắn một tim lò so màu trắng được cuốn giấy bạc; 01 (một) kéo kim loại; 01 (một) ống thủy tỉnh phình to, hở một đầu (nỏ) bên trong có chất bám dính màu trắng xám; 04 (bốn) mảnh nhựa (nilon) bên trong có chất bám dính màu trắng. Đây là các vật chứng vụ án do không giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

+ Đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 màu bạc, số Imei: 355851083780301, kèm sim số đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thao T đã sử dụng vào việc liên lạc với đối tượng bán ma túy và liên lạc với các bị cáo D1, D2 rủ góp tiền mua ma túy; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, loại 6i, màu xanh dương, số Imei 1: 861318047626076; kèm sim số đã qua sử dụng của bị cáo D1 đã liên lạc với bị cáo Lê Thao T để rủ góp tiền mua ma túy; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone XS, màu vàng đồng, số Imei: 357238097212182; kèm theo sim số đã qua sử dụng của bị cáo D2 đã liên lạc với bị cáo Lê Thao T để rủ góp tiền mua ma túy. Đây là các vật chứng vụ án liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Về án phí: + Đối với bị cáo Lê Thao T, Duên: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

+ Đối với bị cáo D1: Quá trình điều tra xác định gia đình bị cáo thuộc thuộc diện hộ cận nghèo nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn K người bào chữa cho bị cáo Lê Thao T, ông Trần Mạnh T2 người bào chữa cho bị cáo D1 và ông Nguyễn Đình C người bào chữa cho bị cáo D2: Đều thống nhất với tội danh, các điều luật đề nghị áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện viện kiểm sát đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho các bị cáo. Về án phí tại phiên tòa các bị cáo Lê Thao T, D1 và D2 có đơn xin miễn án phí vì các bị cáo đều cư trú vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

- Tại phiên tòa bị cáo Lê Thao T, D1 và D2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì về cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Thao T, D1 và D2 tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú, đầu thú, Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 09/01/2026 Lê Thao T, D1 và D2 góp mỗi người số tiền 100.000 đồng, được tổng số tiền 300.000 đồng để T đi mua ma túy đá về cùng nhau sử dụng. Sau đó T liên hệ với đối tượng tên N (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) mua 01 gói ma túy đá với số tiền 300.000 đồng mang về phòng ngủ, lúc này T đổ gói ma túy vào bộ dụng để sử dụng ma túy rồi cùng D1 và D2 sử dụng. Ngày 10/01/2026 T góp số tiền 300.000 đồng, D1 góp số tiền 100.000 đồng và D2 góp số tiền 50.000 đồng, được tổng số tiền 450.000 đồng để T đi mua ma túy đá về cùng nhau sử dụng. Sau đó T liên lạc với đối tượng N mua 03 gói ma túy đá với số tiền 450.000 đồng, rồi mang về nhà Trường lấy 02 gói ma túy đổ vào bộ dụng cụ để cùng D1 và D2 sử dụng. Ngày 11/01/2026 T lấy gói ma túy đá còn lại đổ vào bộ dụng cụ rồi cùng với D1 sử dụng hết. Đây là vụ án có đồng phạm. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Lê Thao T là người khởi xướng, trực tiếp liên hệ mua ma túy, chuẩn bị phương tiện để sử dụng và cùng các bị cáo D1, D2 thực hành hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: bị cáo Lê Thao T và bị cáo D1 đã 03 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine; bị cáo D2 đã 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Các lần phạm tội đều được thực hiện đối với từ hai người trở lên. Do đó, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp *"phạm tội 02 lần trở lên"* và "*đối với 02 người trở lên"* quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Việc sử dụng trái phép chất ma túy để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng, gây tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, sự bình yên của cộng đồng và chính sức khỏe, tương lai của người sử dụng. Các bị cáo có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi và biết rõ việc tổ chức sử dụng trái phép

chất ma túy là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo Lê Thao T đến Công an xã K tự thú. Các bị cáo D1 và D2 đến Công an xã K đầu thú. Quá trình điều tra các bị cáo Lê Thao T, D1 và D2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Gia đình bị cáo D1 thuộc diện hộ cận nghèo. Do đó, đối với bị cáo Lê Thao T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo D1 và D2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Lê Thao T có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai) xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội *"Trộm cắp tài sản"* vào năm 2019. Mặc dù bị cáo đã chấp hình xong hình phạt và đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để lao động lương thiện, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội.

[6] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, số lần phạm tội, vai trò của từng bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục, đồng thời bảo đảm tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Lê Thao T, bị cáo giữ vai trò chính, là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện các hành vi nhằm tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy, tham gia cả 03 lần phạm tội. Đối với bị cáo D1, bị cáo tham gia cả 03 lần phạm tội nhưng vai trò thấp hơn T và đối với bị cáo D2, bị cáo tham gia 02 lần phạm tội không trực tiếp mua hoặc nhận ma túy. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng, cũng như phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) chai nhựa có dán nhãn Sting, bên trong chứa dung dịch lỏng, được niêm phong trong một bì thư dán kín, tại các mép dán của bì thư có các chữ ký, chữ viết của Lê Văn T3, Lê Bá S1, Lê Thao T, D1, D2, Hồ Ngọc Đ và có 03 dấu tròn màu đỏ của "Công an xã K* Công an tỉnh G", được ký hiệu số (01);

+ 01 (một) nắp chai nhựa màu đỏ bị đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu xanh dương dài 11cm, một lỗ gắn ống hút nhựa dài 13cm, được niêm phong trong bì thư dán kín, tại các mép dán của bì thư có các chữ ký, chữ viết của Lê Văn T3, Lê Bá S1, Lê Thao T, D1, D2, Hồ Ngọc Đ có 03 dấu tròn màu đỏ của "Công an xã K* Công an tỉnh G", được ký hiệu số (02);

+ 01 (một) ống thủy tinh phình to, hở một đầu (nỏ) bên trong có chất bám dính màu trắng xám và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 (một) bì công văn "PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ", có đặc điểm: mặt trước ghi "03" và "Số 233/PC09, ngày 21 tháng 01 năm 2026", tại mép dán mặt sau có các hình dầu tròn của Phòng K1, nội dung "CÔNG AN TỈNH GIA LAI*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ" và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T4 và Đặng Thị Hồng V;

+ 04 (bốn) mảnh nhựa (nilon) bên trong có chất bám đính màu trắng và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 (một) bì công văn "PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ", có đặc điểm: mặt trước "04" và "Số 233/PC09, ngày 21 tháng 01 năm 2026", tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng K1, nội dung "CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ" và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T4 và Đặng Thị Hồng V;

+ 01 (một) quẹt ga màu đỏ cỏ gắn một tim lò so màu trắng được cuốn giấy bạc và 01 (một) kéo kim loại được niêm phong trong bì thư dán kín, có các chữ ký của Lê Văn T5, Lê Bá S1, Lê Thao T, D1, D2, Hồ Ngọc Đ có dấu tròn màu đỏ của "Công an xã K* Công an tỉnh G", được ký hiệu số (05).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7, màu bạc, số Imei:

355851083780301, kèm sim số đã qua sử dụng, mặt sau có Model A1779 và có tên T. (Tình trạng điện thoại khi giao nhận: Máy không hoạt động được);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, loại 6i, màu xanh dương, số Imei 1: 861318047626076; kèm sim số đã qua sử dụng, mặt sau có tên D2. (Tình trạng điện thoại khi giao nhận: Máy không hoạt động được);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone XS, màu vàng đồng, số Imei: 357238097212182; kèm theo sim số đã qua sử dụng, mặt sau có tên D1. (Tình trạng điện thoại khi giao nhận: Máy không hoạt động được);

[9] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số ở làng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí nên thuộc diện được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Đối với hành vi và các đối tượng liên quan trong vụ án:

- Đối với đối tượng tên Nam người bán ma túy cho bị cáo Lê Thao T. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lich, đặc điểm nhận dạng. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tiếp tục xác minh khi nào làm rõ nhân thân, lai lịch sẽ tiến làm rõ xử lý theo quy định pháp luật là có căn cứ.

- Đối với bà Lê Thị T1, quá trình điều tra xác định bà Lê Thị T1 (là mẹ ruột của bị cáo Lê Thao T) không biết bị cáo Lê Thao T sử dụng nhà của mình vào ngày 09, 10, 11/01/2026 để tổ chức sư dụng trái phép chất ma túy. Do đó. không có cơ sở để xử lý bà Lê Thị T1 là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Lê Thao T, D1, D2 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 50, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thao T 09 (C1) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 13/01/2026.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo D1 08 (T6) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 13/01/2026.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo D2 08 (T6) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 04/03/2026.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) chai nhựa có dán nhãn Sting, bên trong chứa dung dịch lỏng, được niêm phong trong một bì thư dán kín, tại các mép dán của bì thư có các chữ ký, chữ viết của Lê Văn T3, Lê Bá S1, Lê Thao T, D1, D2, Hồ Ngọc Đ và có 03 dấu tròn màu đỏ của "Công an xã K* Công an tỉnh G", được ký hiệu số (01);

+ 01 (một) nắp chai nhựa màu đỏ bị đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu xanh dương dài 11cm, một lỗ gắn ống hút nhựa dài 13cm, được niêm phong trong bì thư dán kín, tại các mép dán của bì thư có các chữ ký, chữ viết của Lê Văn T3, Lê Bá S1, Lê Thao T, D1, D2, Hồ Ngọc Đ có 03 dấu tròn màu đỏ của "Công an xã K* Công an tỉnh G", được ký hiệu số (02);

+ 01 (một) ống thủy tinh phình to, hở một đầu (nỏ) bên trong có chất bám dính màu trắng xám và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 (một) bì công văn "PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ", có đặc điểm: mặt trước ghi "03" và "Số 233/PC09, ngày 21 tháng 01 năm 2026", tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng K1, nội dung "CÔNG AN TỈNH GIA LAI*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ" và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T4 và Đặng Thị Hồng V;

+ 04 (bốn) mảnh nhựa (nilon) bên trong có chất bám đính màu trắng và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 (một) bì công văn "PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ", có đặc điểm: mặt trước "04" và "Số 233/PC09, ngày 21 tháng 01 năm 2026", tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng K1, nội dung "CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ" và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T4 và Đặng Thị Hồng V;

+ 01 (một) quẹt ga màu đỏ cỏ gắn một tim lò so màu trắng được cuốn giấy bạc và 01 (một) kéo kim loại được niêm phong trong bì thư dán kín, có các chữ ký của Lê Văn T5, Lê Bá S1, Lê Thao T, D1, D2, Hồ Ngọc Đ có dấu tròn màu đỏ của "Công an xã K* Công an tỉnh G", được ký hiệu số (05).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7, màu bạc, số Imei:

355851083780301, kèm sim số đã qua sử dụng, *mặt sau có Model A1779 và có tên T. (Tình trạng điện thoại khi giao nhận: Máy không hoạt động được)*;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, loại 6i, màu xanh dương, số Imei 1: 861318047626076; kèm sim số đã qua sử dụng, *mặt sau có tên D2. (Tình trạng điện thoại khi giao nhận: Máy không hoạt động được);*

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone XS, màu vàng đồng, số Imei: 357238097212182; kèm theo sim số đã qua sử dụng, *mặt sau có tên D1. (Tình trạng điện thoại khi giao nhận: Máy không hoạt động được);*

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Gia Lai).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lê Thao T, D1, D2 không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/8/2026), các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10 - Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thy Thy